

08 tháng 11 năm 2011

Phương Tôn, Chuyên viên phân tích
phuong.ton@vcsc.com.vn
 +84 8 3914 5588, ext 146

THÊM VÀO

Giá mục tiêu **44.000**

TL tăng giá **18,9%**

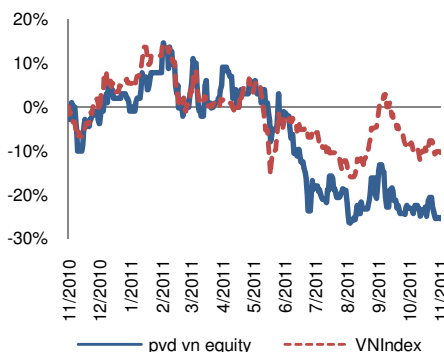
Bất động sản

Các chỉ số chính

Giá ngày 08/11/2011	37.000
Giá mục tiêu	44.000
TL tăng giá	18,9%
Mức thấp nhất 52 tuần	36.000
Mức cao nhất 52 tuần	60.500
KLGD bình quân 30 ngày	110.946
Số lượng cp lưu hành (triệu cp)	209.8
Giá trị vốn hóa (Tỷ VND)	7.760
Giá trị vốn hóa (Triệu USD)	369.9
TL sở hữu nước ngoài	33,7%

Định giá	2008	2009	2010
EPS (cơ bản)	4.235	5.119	5.360
Tăng trưởng EPS	-38%	20,9%	1%
Lợi suất cổ tức	-	3,2%	3,2%
P/E (thị trường)	12,40x	7,23x	7,14x
P/B (thị trường)	2,13x	1,16x	1,01x
EV / EBITDA	9,04x	7,20x	5,74x
ROE	18,5%	17,4%	15,2%
ROA	6,5%	6,4%	6,2%
ROIC	7,8%	7,6%	7,2%
Nợ/VCSH %	128,1%	129,1%	93,3%

Diễn biến giá	3T	6T	12T
Giá trị tuyệt đối	-4,6%	-28,2%	-28,2%
Giá trị tương đối	-7,7%	-14,6%	-17,5%



Cơ cấu sở hữu

Tập đoàn Dầu khí VN	50,38%
NĐT tổ chức khác	43,11%
NĐT nước ngoài	33,74%
NĐT cá nhân	6,51%

Kết quả quý 3 ổn định, giữ khuyến nghị THÊM VÀO

Kết quả Q3 ổn định so với năm trước dù bối cảnh kinh tế khó khăn (tính theo đồng USD), với doanh thu đạt 116,7 triệu đô la, lợi nhuận sau thuế đạt 15,5 triệu đô la. Cụ thể, doanh thu từ hoạt động cho thuê giàn khoan tăng 11,5% và doanh thu từ dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tăng 19,0% so với 2010. Tuy vậy, hoạt động mua bán thiết bị không có doanh thu trong quý khiến tổng doanh thu không có thay đổi so với cùng kỳ năm ngoái.

Mặc dù không có chi phí mua bán thiết bị nhưng tổng chi phí sản xuất chỉ giảm nhẹ 4% do chi phí SX hoạt động cho thuê giàn khoan tăng 27,5%. Lợi nhuận gộp của dịch vụ cho thuê giàn khoan do vậy giảm từ 26,6% xuống 16,2%, trong khi đó lợi nhuận gộp của dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tăng mạnh từ 20,7% lên 36,0%. Lợi nhuận gộp của dịch vụ cho thuê giàn khoan sụt giảm do một số nguyên nhân chủ yếu: i) chi phí nhân công tăng mạnh do áp lực cạnh tranh bởi các công ty nước ngoài cung cấp dịch vụ cho thuê giàn khoan ở Việt Nam, và ii) chi phí cho dịch vụ cho thuê lại giàn khoan tăng, theo ước tính của chúng tôi biên chi phí này tăng khoảng 2% so với trung bình năm ngoái.

Trong khi đó, lợi nhuận biên tăng mạnh của dịch vụ kỹ thuật giếng khoan trùng với nhận định của chúng tôi trong báo cáo lần đầu ngày 16 tháng 8 nhờ định hướng dịch chuyển sang các dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Giàn khoan TAD sẽ bắt đầu hợp đồng thương mại vào đầu tháng 11, trễ hơn 1 tháng so với kế hoạch ban đầu do chuyển giao chậm, như vậy doanh thu từ giàn khoan này trong năm 2011 giảm khoảng 6 triệu đô la so với tính toán trước đây của chúng tôi.

Bù lại, chúng tôi được biết 2 giàn khoan thuê ngoài sẽ được gia hạn hợp đồng: Giàn Maersk Convincer sẽ được gia hạn thêm 3 tháng, từ cuối tháng 8 theo báo cáo lần đầu của chúng tôi sang cuối tháng 11 theo như chúng tôi được Công ty cho biết, qua đó doanh thu theo ước tính của chúng tôi sẽ tăng thêm khoảng 8,2 triệu đô la. Hợp đồng giàn Key Hawaii cũng đã được gia hạn tới hết năm 2012. Như vậy trong năm 2011 giàn Key Hawaii sẽ đóng góp thêm khoảng 8,4 triệu đô la tại mức giá thuê trung bình là 120 ngàn đô la/ngày. Đây là phần lợi nhuận mới so với ước tính doanh thu trong báo cáo lần đầu của chúng tôi.

Chi phí lãi vay tiếp tục xu hướng giảm nhờ lãi suất tham chiếu SIBOR và LIBOR ở mức thấp. Chi phí lãi vay trong quý 3 giảm 40% so với Q3 năm 2010. Theo ước tính của chúng tôi chi phí lãi vay cả năm 2011 giảm khoảng 36% so với năm 2010. Trong kỳ tính lãi 6 tháng tiếp theo, lãi suất trung bình tiếp tục dao động ở mức 4%/năm.

Tuy nhiên chúng tôi nhận thấy chi phí quản lý tăng mạnh 115,6% (khoảng 5,13 triệu đô la). Theo nhận định của chúng tôi, khoảng hơn 1/2 số tăng thêm liên quan đến việc đưa giàn khoan TAD vào vận hành, đây cũng là điều xảy ra mỗi lần có giàn khoan mới đi vào hoạt động. Nhưng chúng tôi cũng nhận thấy chi phí quản lý của PVD Drilling nhìn chung đang có xu hướng tăng, ở mức khoảng 50% so với cùng kỳ năm trước trong các quý gần đây.

Với các cập nhật này, chúng tôi điều chỉnh dự phóng doanh thu năm 2011 lên 439,6 triệu đô la, tăng so với ước tính trước đây là 429 triệu đô la. Như vậy lũy kế 9 tháng PVD Drilling đã hoàn thành khoảng 73,1% so với doanh thu điều chỉnh của chúng tôi.

Xét về LNST, chúng tôi điều chỉnh dự phóng lên 52,4 triệu đô la, tăng nhẹ so với 50,2 triệu đô la trước đây, phản ánh lo ngại của chúng tôi liên quan đến chi phí quản lý tăng nhanh hơn so với mức tăng của doanh thu điều chỉnh nhờ vào việc gia hạn 2 hợp đồng giàn khoan thuê ngoài kể trên. Tuy nhiên, chúng tôi muốn nhấn mạnh lại hơn 50% chi phí gia tăng này không phải là khoản tăng cố định lâu dài. Như vậy lũy kế 9 tháng PVD Drilling đã hoàn thành 79% so với lợi nhuận điều chỉnh của chúng tôi.

*Tổng kết lại, PVD tiếp tục là một cổ phiếu ưa thích của chúng tôi với kết quả kinh doanh vững chắc mặc dù kinh tế vĩ mô đang ở thời kỳ khó khăn. Đặc biệt so với các doanh nghiệp sản xuất khác, PVD Drilling có lợi thế nhờ dòng tiền gấn vào đồng đô la và có chi phí lãi vay thấp. Định giá cập nhật cho cổ phiếu PVD của chúng tôi là 2,1 đô la/cổ phiếu, giảm nhẹ so với báo cáo lần đầu do hệ số nhân so sánh (trong phương pháp định giá so sánh) giảm. Ở mức giá này, hệ số PE 2011 là 8,4x và hệ số P/B là 1,43x. Chúng tôi giữ khuyến nghị **THÊM VÀO** cho cổ phiếu PVD cho mục tiêu đầu tư 1 năm.*

08 tháng 11 năm 2011

Tóm tắt tài chính

BC QHĐKD	2008	2009	2010	2011F	2012F
Doanh thu thuần	228.532	240.055	406.638	439.554	464.159
- Giá vốn hàng bán	-154.470	-167.397	-312.230	-337.575	-354.735
Lợi nhuận gộp	74.062	72.659	94.408	101.979	109.424
- Chi phí bán hàng	-157	-140	-157	-243	-257
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	-14.319	-15.921	-24.153	-28.571	-30.170
Lợi nhuận thuần HĐKD	88.538	56.597	70.098	73.165	78.997
- (Lỗ) / lãi tỷ giá	--	-	-	-	-
- Lợi nhuận khác	23.258	1.862	1.398	1.588	1.588
LN trước thuế & chi phí tài chính	111.797	58.459	71.496	74.753	80.585
- Chi phí lãi vay	-4.825	-4.203	-16.793	-14.499	-19.569
Lợi nhuận trước thuế	116.622	54.256	54.703	60.254	61.016
- Thuế TNDN	265	-6.344	-7.147	-7.872	-7.972
LNST	116.357	47.912	47.556	52.382	53.044
- Lợi ích cổ đông thiểu số	-663	-179	-193	-262	-265
LNST của cổ đông CT Mẹ	117.020	47.733	47.363	52.120	52.779
EPS (đ)	0,44	0,34	0,23	0,25	0,25
EBITDA	100.469	73.509	104.261	110.790	126.440
Khấu hao	-11.328	-15.050	-32.764	-36.037	-45.855
Tăng trưởng doanh thu	34,6%	5,0%	69,4%	8,1%	5,6%
Tăng trưởng LN HĐKD	74,6%	-36,1%	23,9%	4,4%	8,0%
Tăng trưởng EBIT	100,5%	-47,7%	22,3%	4,6%	7,8%
Tăng trưởng EPS	14,7%	-21,9%	-34,4%	10,0%	1,3%
Chỉ số khả năng sinh lợi					
Tỷ suất lợi nhuận gộp	32,4%	30,3%	23,2%	23,2%	23,6%
Tỷ suất LNST	50,9%	20,0%	11,7%	11,9%	11,4%
ROE DuPont	77,9%	24,7%	18,5%	17,4%	15,2%
ROA DuPont	29,9%	8,0%	6,5%	6,4%	6,2%
Tỷ suất EBIT	48,9%	24,4%	17,6%	17,0%	17,4%
LNTT / LNST	99,8%	88,3%	86,9%	86,9%	86,9%
LNTT / EBIT	104,3%	92,8%	76,5%	80,6%	75,7%
Vòng quay tổng tài sản	0,59x	0,40x	0,56x	0,53x	0,54x
Đòn bẩy tài chính	2,60x	3,08x	2,85x	2,73x	2,47x
ROIC	37,9%	9,9%	7,8%	7,6%	7,2%
Chỉ số hiệu quả vận hành					
Số ngày phải thu	15,5	30,7	21,0	20,3	20,5
Số ngày tồn kho	101,8	101,1	77,9	81,7	75,8
Số ngày phải trả	92,8	127,6	82,7	87,3	80,7
Thời gian luân chuyển tiền	24,5	4,2	16,3	14,7	15,7
Vòng quay hàng tồn kho	23,56x	11,88x	17,35x	17,98x	17,78x
Chỉ số thanh khoản/đòn bẩy TC					
CS thanh toán hiện hành	0,52x	1,01x	0,80x	0,85x	0,82x
CS thanh toán nhanh	0,48x	0,88x	0,72x	0,75x	0,72x
CS thanh toán tiền mặt	0,17x	0,34x	0,21x	0,25x	0,21x
Nợ / Tài sản	44,7%	51,3%	45,9%	48,2%	40,8%
Nợ / Vốn sử dụng	59,9%	60,0%	56,2%	56,3%	48,3%
Nợ / Vốn CSH	149,6%	149,8%	128,1%	129,1%	93,3%
Nợ ngắn hạn / Vốn CSH	23,0%	6,5%	9,7%	8,7%	8,8%
Nợ dài hạn / Vốn CSH	21,8%	44,8%	36,1%	39,6%	32,0%
Khả năng thanh toán lãi vay	23,17x	13,91x	4,26x	5,16x	4,12x
Định giá					
P/E	-	-	12,40x	7,19x	7,10x
P/B	-	-	2,13x	1,16x	1,00x
EV/EBITDA	-	-	9,04x	7,18x	5,73x
Giá trị sổ sách/cp (đồng)	0,93	1,12	1,32	1,55	1,78

Cân đối kế toán	2008	2009	2010	2011F	2012F
Tài sản					
+ Tiền và tương đương	40.513	48.743	45.139	48.793	42.623
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.068	3.709	1.356	1.356	1.356
+ Các khoản phải thu	62.257	70.683	102.886	93.809	99.060
+ Hàng tồn kho	10.276	17.910	18.088	19.460	20.449
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.537	1.923	2.117	2.117	2.117
Tổng tài sản ngắn hạn	121.653	142.968	169.586	165.535	165.606
+ Nguyên giá tài sản cố định	151.033	559.650	571.279	708.279	738.279
- Khấu hao lũy kế	-23.830	-36.834	-68.925	-104.962	-150.817
+ Tài sản cố định	127.202	522.816	502.353	603.316	587.461
+ Đầu tư tài chính dài hạn	14.438	20.134	22.195	22.195	22.195
+ Tài sản dài hạn khác	2.093	787	786	79.147	79.147
Tổng tài sản dài hạn	386.851	546.422	603.696	704.659	688.804
Tổng Tài sản	508.503	689.390	773.282	870.194	854.410
Nợ & Vốn chủ sở hữu					
+ Phải trả ngắn hạn	60.552	56.460	84.991	76.466	80.353
+ Vay và nợ ngắn hạn	116.853	44.960	75.367	75.367	75.367
+ Phải trả ngắn hạn khác	46.982	30.379	39.768	42.988	45.394
Nợ ngắn hạn	224.387	131.799	199.126	194.821	201.114
+ Vay và nợ dài hạn	110.674	308.904	279.521	344.264	273.374
+ Phải trả dài hạn khác	13.991	2.057	5.970	5.970	5.970
Nợ dài hạn	124.666	310.961	285.490	350.234	279.344
Tổng nợ	349.053	442.760	484.616	545.055	480.458
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-
+ Thặng dư vốn cổ phần	11.849	77.047	77.038	77.038	77.038
+ Vốn đầu tư của CSH	77.851	117.334	117.334	117.334	117.334
+ Lợi nhuận chưa phân phối	18.431	22.146	57.313	105.517	154.329
+ Lợi ích cổ đông thiểu số	28.919	761	847	847	847
Vốn chủ sở hữu	159.450	246.630	288.666	325.139	373.952
Tổng cộng nguồn vốn	508.503	689.390	773.282	870.194	854.410
Lưu chuyển tiền tệ					
Tiền đầu năm	30.744	40.513	48.743	45.139	48.793
Lợi nhuận sau thuế	56.922	54.256	54.703	60.254	61.016
+ Chi phí khấu hao	11.328	15.050	32.764	36.037	45.855
+ Điều chỉnh	1.878	5.612	11.715	-	-
+ Thay đổi vốn lưu động	39.406	-3.083	-32.954	-8.330	53
Tiền từ hoạt động kinh doanh	109.534	71.835	66.228	87.961	106.924
-	-	-	321	-	-
+ Chi mua sắm TSCĐ	-209.875	-209.401	-79.857	-137.000	-30.000
+ Tăng (giảm) đầu tư	-17.672	-3.063	-1.207	-	-
+ Các hoạt động đầu tư khác	0	2.755	9.581	-	-
Tiền từ hoạt động đầu tư	-220.022	-205.028	-67.264	-137.000	-30.000
+ Cổ tức đã trả	-22.525	-	-	-12.051	-12.203
+ Tăng (giảm) vốn	479	-	-	-	-
+ Thay đổi nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-
+ Thay đổi nợ dài hạn	142.720	136.422	-418	-	-
+ Các hoạt động tài chính khác	-22	5.212	-176	-	-
Tiền từ hoạt động tài chính	120.652	141.634	-2.568	52.693	-83.093
Lưu chuyển tiền thuần	10.165	8.441	-3.604	3.654	-6.170
Tiền cuối năm	40.513	48.743	45.139	48.793	42.623

Đơn vị: ngàn USD nếu không có ghi chú khác

08 tháng 11 năm 2011

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Phương Tôn, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của tôi về công ty này. Tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của VCSC

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/11/2010.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 20%
THÊM VÀO	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường 10%-20%
NẮM GIỮ	Nếu giá mục tiêu cao hoặc thấp hơn giá thị trường 10%
GIẢM	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 10%-20%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường 20%
KHÔNG KHUYẾN NGHỊ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, ví dụ như khi VCSC đang thực hiện dịch vụ tư vấn M&A hay tư vấn chiến lược nào đó liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu này bị hoãn lại vì chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Giá mục tiêu: Trong hầu hết trường hợp, giá mục tiêu sẽ tương ứng với đánh giá của chuyên viên phân tích về giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu. Giá mục tiêu là mức giá cổ phiếu nên được giao dịch ở hiện tại nếu thị trường đồng ý quan điểm của chuyên viên phân tích và có những yếu tố xúc tác cần thiết để tạo ra sự thay đổi nhận thức trong thời hạn nhất định. Tuy nhiên, nếu chuyên viên phân tích tin rằng trong thời hạn xác định sẽ không có tin tức, sự kiện hoặc yếu tố thúc đẩy cần thiết để cổ phiếu có thể đạt đến giá trị hợp lý thì giá mục tiêu có thể khác với giá trị hợp lý. Vì thế, trong hầu hết trường hợp, khuyến nghị của chúng tôi chỉ là đánh giá sự chưa phù hợp giữa giá thị trường hiện tại và giá trị hợp lý hiện tại của cổ phiếu theo quan điểm của chúng tôi.

Phương pháp định giá: Để xác định giá mục tiêu, chuyên viên phân tích có thể sử dụng nhiều phương pháp định giá khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn, phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do và định giá so sánh. Việc lựa chọn phương pháp tùy thuộc vào từng ngành, công ty, tính chất cổ phiếu và nhiều yếu tố khác. Kết quả định giá có thể dựa trên một hoặc kết hợp nhiều phương pháp sau: 1) **Định giá dựa trên nhiều chỉ số** (P/E, P/CF, EV/doanh thu, EV/EBIT, EV/EBITA, EV/EBITDA), so sánh nhóm công ty và dựa vào số liệu quá khứ; 2) **Mô hình chiết khấu** (DCF, DVMA, DDM); 3) **Phương pháp tính tổng giá trị các thành phần** hoặc các phương pháp định giá dựa vào tài sản; và 4) **Phương pháp định giá sử dụng lợi nhuận kinh tế** (Lợi nhuận thặng dư, EVA). Các mô hình định giá này phụ thuộc vào các yếu tố kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, lãi suất, tỷ giá, nguyên liệu với các giả định khác về nền kinh tế cũng như những rủi ro vốn có trong công ty đang xem xét. Ngoài ra, tâm lý thị trường cũng có thể ảnh hưởng đến việc định giá công ty. Quá trình định giá còn căn cứ vào những kỳ vọng có thể thay đổi nhanh chóng mà không cần thông báo, tùy vào sự phát triển riêng của từng ngành.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

08 tháng 11 năm 2011

Lịch sử khuyến nghị

Ngày	Khuyến nghị	Giá đóng cửa	Giá mục tiêu
16/08/2011	THÊM VÀO	36,800	44,000

Liên hệ

Trụ sở chính

67 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
+84 8 3914 3588

Phòng giao dịch

136 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 4 6262 6999

Phòng giao dịch

236 - 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM
+84 8 3914 3588

Phòng Nghiên Cứu

Giám đốc Nghiên Cứu

Marc Djandji, M.Sc., CFA, ext 116
marc.djandji@vcsc.com.vn

Phòng Nghiên Cứu

+84 8 3914 3588
research@vcsc.com.vn

Trưởng phòng, Vũ Thanh Tú, ext 105

CV Kinh tế, Đoàn Thị Thu Hoài, ext 139

CV cao cấp, Đinh Thị Như Hoa, ext 140

CV cao cấp, Tôn Minh Phương, ext 146

Chuyên viên, Hoàng Hương Giang, ext 142

Chuyên viên, Trần Tuấn Anh, ext 145

Chuyên viên, Vũ Thị Trà Lý, ext 147

Chuyên viên, Vũ Hoàng Việt, ext 143

Chuyên viên, Doãn Chí Thiên

Phòng Giao dịch chứng khoán khách hàng tổ chức

& cá nhân nước ngoài

Tổ chức nước ngoài

Michel Tosto, M.Sc.
+84 8 3914 3588, ext 102
michel.tosto@vcsc.com.vn

Tổ chức trong nước

Nguyễn Quốc Dũng
+84 8 3914 3588, ext 136
dung.nguyen@vcsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

Raphael Wilhelm, CFT
+84 8 3914 3588, ext 134
raphael.wilhelm@vcsc.com.vn

Khách hàng Nhật

Trần Minh Huệ
+84 8 3914 3588, ext 122
hue.tran@vcsc.com.vn

Phòng môi giới khách hàng trong nước

Tp. Hồ Chí Minh

Châu Thiên Trúc Quỳnh
+84 8 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vcsc.com.vn

Hà Nội

Nguyễn Huy Quang
+84 4 6262 6999, ext 312
quang.nguyen@vcsc.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.